

Bản án số: 604/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2024

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Tao

2/ Ông Nguyễn Quốc Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1837/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1847/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: F, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: 14/1, Ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn năm 2006. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thay đổi tính nết, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên chơi cờ bạc, uống rượu bia, không đi làm, vay nợ dẫn đến việc nhiều người đến đòi nợ, đe dọa xâm phạm sức khỏe và tính mạng của bà P và con chung làm cho mẹ con bà P rất sợ hãi. Ông H không phụ bà P nuôi dạy con. Bà

P đã nhiều lần cho ông H cơ hội sửa chữa nhưng ông H vẫn tính nào tật ấy. Bà P và ông H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay, bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P ly hôn ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà P và ông H có 01 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 13/3/2008 (Nữ) hiện đang do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà P xác định không có.

Về nợ chung: Bà P xác định không có.

Tại bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh H là bị đơn trình bày ý kiến:

Ông H xác nhận những lời trình bày của bà P về tình trạng pháp lý đối với quan hệ hôn nhân, về con chung và mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà P là hoàn toàn đúng sự thật. Nay, bà P yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Lý do: Khi vợ chồng cưới nhau, ba mẹ ruột ông H cho vợ chồng ông H một căn nhà ở xã H, vợ chồng ông H bán được 400.000.000 đồng, sau đó ba mẹ ruột ông H bán đất cho thêm vợ chồng ông H 110.000.000 đồng. Số tiền này vợ chồng ông H dùng để trả nợ một phần, một phần đưa cho bà P làm ăn. Mặc dù có thua lỗ nhưng vẫn còn khoảng 200.000.000 đồng. Nếu bà P đồng ý đưa cho ông H 100.000.000 đồng thì ông H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H và bà P có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 13/3/2008. Con chung hiện đang do bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông H xác định ông H và bà P có tài sản chung là 200.000.000 đồng do bà P đang nắm giữ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P chia cho ông H một nửa là 100.000.000 đồng. Ông H không làm đơn yêu cầu cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh là vợ chồng ông H có khối tài sản chung là 200.000.000 đồng.

Về nợ chung: Ông H xác định không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2006 thì bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thanh H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị P xin ly hôn ông Nguyễn Thanh H, ông H có nơi cư trú tại huyện N. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn được khoảng 03 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình. Cụ thể là ông H sống vô tâm, không chăm lo gia đình, con cái, mọi thứ trong gia đình có mình bà P lo. Ông H vay nợ nhiều người để tiêu xài cá nhân dẫn đến việc nhiều người đến đòi nợ, đe dọa xâm phạm sức khỏe và tính mạng của bà P và con chung làm cho mẹ con bà P rất sợ hãi, ông H không có khả năng trả nợ nên bà P phải trả nợ thay cho ông H. Sau khi bà P trả hết nợ thì ông H cũng vẫn không chịu đi làm để phụ bà P nuôi con mà tiếp tục vay nợ. Bà P không còn khả năng trả nợ thay nên ông H phải đi trốn nợ. Ông H và bà P đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà P trình bày tuy nhiên không đồng ý ly hôn vì bà P không đưa cho ông 100.000.000 đồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thanh H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P ly hôn ông Nguyễn Thanh H là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thanh H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 13/3/2008. Hiện nay trẻ Nguyễn Ngọc Vân A đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng trẻ Vân A muốn được ở với mẹ. Ông H cũng xác định trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H đồng ý giao con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Ngọc Vân A cho bà P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Bà P xác định không có. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông H nếu có yêu cầu chia tài sản chung thì phải làm bằng văn bản và nộp cho Tòa án đồng thời cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh có tài sản chung nhưng ông H không nộp đơn và tài liệu, chứng cứ chứng minh có tài sản chung là 200.000.000 đồng cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Bà P và ông H xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà P phải nộp, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017597 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 13/3/2008 (Nữ) cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Thanh H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P và ông H không tranh chấp. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Bà P và ông H xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà P nộp, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017597 ngày 26 tháng 3

năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà **P** và ông **H** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Long